

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 23/2025/HS-ST

Ngày 31/7/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Kim Anh và ông Nguyễn Lương Thành

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xét số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 18/7/2025 đối với:

Bị cáo **Dương Minh A**, sinh ngày: 21/5/1999, tại phường DB, TP. Đà Nẵng. Trú tại: Khối TP 2, phường DB, TP. Đà Nẵng. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: lớp 12; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Dương Minh T, sinh năm: 1977 và bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1976. Trú tại: Khối TP 2, phường DB, TP. Đà Nẵng. Bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực DB – Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty cổ phần Findy

Địa chỉ: Tầng 3, Căn TT5-1B-25, Khu nhà ở thấp tầng, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Định Công, TP Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hồng Vân, sinh năm 1970, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2024)

Địa chỉ liên hệ: 250 Trần Nhân Tông, phường DB, Thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Quang Tùng – sinh năm: 2002. Trú tại: Thôn Giáng Nam 1, phường Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng.

+ Châu Thị Kim Anh – sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn Phú Đa 1, xã Thu Bồn, TP. Đà Nẵng.

+ Lê Quang Thành – sinh năm: 1988

Trú tại: 32, Đặng Nhữ Lâm, phường Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

+ Trần Bình – sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn Tam Thanh, phường Hội An Đông, TP. Đà Nẵng.

+ Nguyễn Thị Luận – sinh năm: 1971

Trú tại: Thôn Thanh Triều, xã Duy Nghĩa, TP. Đà Nẵng.

+ Ngô Văn Khanh – sinh năm: 1966

Trú tại: 107, Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng.

+ Trương Thị Thanh Huyền – sinh năm: 1978

Trú tại: 108, Trần Văn Dư, phường Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

+ Trần Thanh Thi – sinh năm: 1986

Trú tại: Khối phố 2, phường DB, Thành phố Đà Nẵng.

+ Trần Đặng Bảo Quyên – sinh năm: 2002

Trú tại: Thôn Giáng Nam 1, phường Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng.

+ Phạm Phú Ngọc – sinh năm: 2003

Trú tại: Khối Tân Mỹ, phường DB, Thành phố Đà Nẵng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Finy, địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 3, TT5-1B-25, Khu ĐTM Đại Kim, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội có đăng ký hoạt động chi nhA tại thị xã DB, tỉnh Quảng Nam theo ĐKKD số 0110351508-001 được Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Quảng Nam cấp phép hoạt động ngày 29/09/2023. Địa chỉ chi nhA tại 250 Trần Nhân Tông, phường Vĩnh Điện, thị xã DB, tỉnh Quảng Nam và địa điểm kinh doanh Điện Ngọc - Công ty Cổ phần Finy

theo đăng ký hoạt động số 0001 ngày 15/03/2024 tại địa chỉ 1012 Trần Hưng Đạo, phường DB Đông, tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động với nhiều ngành nghề kinh doanh trong đó có ngành nghề kinh doanh hoạt động cấp tín dụng khác.

Ngày 01/08/2024, Công ty Cổ phần Finy chi nhA Quảng Nam có ký hợp đồng lao động chính thức số F00148/2024-FINY với Dương Minh A vào vị trí nhân viên kinh doanh bậc 1. Nhiệm vụ của A là tìm kiếm khách hàng cầm cố vay tiền, làm hồ sơ vay cho khách rồi trình bộ phận thẩm định vay để trình cho Tổng giám đốc Công ty Finy duyệt vay. Theo Quy định số 211/2024/TB-TGD ngày 07/8/2024 của Công ty Cổ phần Finy về việc “Thực hiện nội quy lao động, gửi hợp đồng vay, thu hồi nợ vay & phối hợp thu nợ” thì: “... Công ty nghiêm cấm nhân viên hướng dẫn Khách hàng chuyển tiền thu nợ vào tài khoản cá nhân hoặc thu tiền mặt nhưng không nộp lại về tài khoản của Công ty...”.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công việc, A đã nhiều lần liên hệ, hướng dẫn khách hàng chuyển khoản trả nợ vay hàng tháng vào tài khoản cá nhân của mình và thu tiền mặt của khách nhưng không lập biên lai sau đó A chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân mà không nộp về công ty. Cụ thể như sau:

1. Đối với khách hàng Nguyễn Quang Tùng theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1323/2024/HĐCVCC-FN ngày 11/9/2024. Ngày 10/10/2024, A nhắn tin Zalo cho Tùng yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024 là 3.040.257 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Ngày 11/10/2024, Tùng chuyển số tiền trên vào tài khoản cho A.

Đến ngày 25/10/2024, Tùng điện thoại cho A để tắt toán khoản vay, A hẹn Tùng đến quán cà phê Anh Thư ở ngã ba Tứ Câu, nay là phường DB Bắc, thành phố Đà Nẵng để tắt toán khoản vay. A đề xuất mượn Giấy chứng nhận đăng ký xe BKS 43K1-570.05 (là tài sản Tùng thế chấp cho Công ty Finy vay tiền) từ anh Nguyễn Xuân Lý (là Trưởng phòng giao dịch Công ty Cổ phần Finy – chi nhA Quảng Nam) để A tắt toán khoản vay cho Tùng thì được anh Lý đồng ý. Khi Tùng nộp số tiền mặt 32.360.000 đồng cho A thì A trả Giấy chứng nhận đăng ký xe cho Tùng.

Tổng số tiền mà A đã thu của Tùng sau đó chiếm đoạt và không nộp về cho công ty là 35.400.257 đồng.

2. Đối với khách hàng Châu Thị Kim Anh theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1302/2024/HĐCVCC-FN ngày 09/9/2024. Ngày 07/10/2024, A nhắn tin Zalo cho con gái của bà Anh là Lương Thị Thu Vân (sinh năm 2001) yêu cầu nộp tiền gốc lãi vay tháng 10/2024 là 1.385.341 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Đến ngày 09/10/2024, chị Vân chuyển số tiền trên vào tài khoản A. Ngày 10/11/2024, chị Vân tiếp tục chuyển số tiền 1.385.341 đồng tiền gốc, lãi vay tháng 11/2024 vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Tổng số tiền A đã thu của bà Anh và không nộp về cho công ty là 2.770.682 đồng.

3. Đối với khách hàng Lê Quang Thành theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1358/2024/HĐCVCC-FN ngày 14/9/2024. Ngày 22/9/2024, A nhắn tin Zalo cho Thành mượn số tiền 500.000 đồng để đi đám cưới và nói với Thành khi đến hạn nộp tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024 thì trừ số tiền trên vào tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024. Thành chuyển khoản cho A 500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Ngày 13/10/2024, A nhắn tin Zalo cho Thành yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024 là 2.500.000 đồng và trừ đi 500.000 đồng đã mượn trước đó vào tài khoản Vietinbank của A. Ngày 14/10/2024, Thành chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản của A. Tổng số tiền A đã thu của Thành và không nộp về cho công ty là 2.500.000 đồng.

4. Đối với khách hàng Trần Bình theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1457/2024/HĐCVCC-FN ngày 26/9/2024 và khách hàng Nguyễn Thị Luận theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1454/2024/HĐCVCC-FN ngày 26/9/2024. Khoảng cuối tháng 10/2024, A nhắn tin Zalo cho bà Luận yêu cầu nộp số tiền gốc, lãi vay của Bình và Luận là 3.885.000 đồng (trong đó số tiền của Luận là 2.282.989 đồng và Bình là 1.602.045 đồng) vào tài khoản ngân hàng MBBank số 0905601393 của A. Ngày 26/10/2024, bà Luận đã chuyển số tiền 3.885.000 đồng vào tài khoản cho A. Tổng số tiền A đã thu của ông Bình và bà Luận và không nộp về cho công ty là 3.885.000 đồng.

5. Đối với khách hàng Ngô Văn Khanh theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1252/2024/HĐCVCC-FN ngày 28/8/2024. Ngày 26/10/2024, A nhắn tin zalo cho ông Khanh yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024. Ông Khanh yêu cầu A mang cho mình bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe để đi đường rồi nộp tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024 là 3.070.000 đồng cho A. Tổng số tiền A đã thu của ông Khanh và không nộp về cho công ty là 3.070.000 đồng.

6. Đối với khách hàng Trương Thị Thanh Huyền theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1248/2024/HĐCVCC-FN ngày 27/8/2024. Ngày 28/10/2024, A nhắn tin cho bà Huyền yêu cầu nộp số tiền gốc, lãi vay tháng 10/2024 với số tiền 2.287.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB Bank số 0905601393 của A. Ngày 29/10/2024, bà Huyền chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của A. Tổng số tiền A đã thu của bà Huyền và không nộp về cho công ty là 2.287.000 đồng.

7. Đối với khách hàng Trần Thanh Thi theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1196/2024/HĐCVCC-FN ngày 18/8/2024. Ngày 16/9/2024, A nhắn tin qua Messenger cho Thi yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 9/2024 là 1.075.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Ngày 17/9/2024, anh Thi chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của A.

Ngày 18/11/2024, A nhắn tin cho anh Thi yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 10 và tháng 11/2024 với số tiền tháng 10 là 1.375.000 đồng, tháng 11 là 1.125.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Ngày 19/11/2024, Thi chuyển khoản số tiền 1.375.000 đồng của tháng 10 vào tài khoản A. Tổng số tiền A thu của Thi và không nộp về cho công ty là 2.450.000 đồng.

8. Đối với khách hàng Trần Đăng Bảo Quyên theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1408/2024/HĐCVCC-FN ngày 21/9/2024. Ngày 21/11/2024, A nhắn tin Zalo cho chị Quyên yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 11/2024 là 3.058.260 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Cùng ngày, chị Quyên chuyển số tiền trên vào tài khoản của A. Tổng số tiền A thu của chị Quyên và không nộp về cho công ty là 3.058.000 đồng.

9. Đối với khách hàng Phạm Phú Ngọc theo Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 1418/2024/HĐCVCC-FN ngày 23/9/2024. Ngày 22/11/2024, A nhắn tin Zalo cho anh Ngọc yêu cầu nộp tiền gốc, lãi vay tháng 11/2024 với số tiền 1.860.437 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0932447365 của A. Cùng ngày, anh Ngọc chuyển số tiền trên vào tài khoản của A. Tổng số tiền A thu của anh Ngọc và không nộp về cho công ty là 1.860.437 đồng.

Bị cáo Dương Minh A thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, thống nhất về tội danh khung hình phạt. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại.

Bị hại thống nhất bản cáo trạng, lời trình bày của bị cáo, bị cáo đã chiếm đoạt của công ty FINDY tổng số tiền 57.281.636 đồng. Hiện nay gia đình bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền cho Công ty. Công ty không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại cho công ty và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSKV10-HS ngày 14/7/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Dương Minh A về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố, đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt từ 03 năm đến 03 năm sáu tháng tù .

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ điện thoại di động của Dương Minh A là phương tiện phạm tội. Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại.

Bị cáo nói lời sau cùng thể hiện sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà

Năng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về chứng cứ xác định bị cáo phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định:

Dương Minh A là nhân viên kinh doanh bậc 1 của Công ty Cổ phần Findy. Theo hợp đồng ký kết, A có nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng, lập hồ sơ, thủ tục cho vay, đôn đốc nhắc nhở khách hàng trả nợ vào tài khoản của Công ty. Nếu khách hàng có nhu cầu nộp tiền mặt thì A thực hiện viết phiếu thu và nộp ngay vào tài khoản công ty. Trong quá trình làm việc, A đã thực hiện công việc vượt quá nhiệm vụ được giao theo quy định nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty. A đã nhiều lần thu tiền của khách hàng qua tài khoản cá nhân và thu tiền mặt nhưng không nộp về công ty (trong đó có 07 lần trên 2.000.000 đồng). Tổng số tiền mà A chiếm đoạt được là 57.281.636 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi một ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Dương Minh A đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

[2.2] *Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì thấy:*

- *Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức, công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, làm mất trật tự tại địa phương.

- *Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy:* Bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Gia đình bị cáo có công cách mạng và có hoàn cảnh khó khăn. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[2.3] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét.

[2.4] *Về xử lý vật chứng:* Vật chứng là chiếc điện thoại của bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội thì tịch thu sung quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy thẻ sim.

[2.5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Dương Minh A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1- Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Minh A phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo Dương Minh A 02 năm 06 tháng (hai năm sáu tháng) tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày 20/02/2025.

2- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại Xiaimi Redmi 12, màu đen.

Tịch thu tiêu hủy thẻ sim 0905601393.

3- Về án phí: Bị cáo Dương Minh A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2025), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 10-Đà Nẵng;
- Công an TP. Đà Nẵng
- Cơ quan CSĐT TP. Đà Nẵng;
- Cục THA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Tám